

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2020/HSST
Ngày 05 - 6 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Minh

Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Đào

Ông Lê Bắc Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 46/2020/TLST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2020/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo:

Vũ Thị A, tên gọi khác: không; Sinh ngày 20/02/1983 tại thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An; Nơi ĐKKHKT: Tổ 3, phường C, thành phố D, tỉnh D; Nơi tạm trú: Bản Cang, phường C, thành phố D, tỉnh D; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Trung cấp kế toán; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Đảng phái đoàn thể: Không; Con ông Vũ Đình Trâm, sinh năm 1933, con bà Đặng Thị Đào, sinh năm 1945 cùng trú tại Khối Tây Hồ, thị trấn Quỳ Hợp, huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An; Có chồng là Đinh Tiến M, sinh năm 1973, trú tại tổ 3, phường C, thành phố D, tỉnh D và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án; tiền sự: không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/10/2019 đến nay; Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La; có mặt tại phiên tòa.

* *Người bị hại:* Ông Quảng Văn B, sinh năm 1968; trú tại bản Mé, phường K, thành phố D, tỉnh D; có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Đinh Tiến M, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ 3, phường C, thành phố D, tỉnh D; tạm trú tại: Bản Cang, phường C, thành phố D, tỉnh D; có mặt.

- Bà Cà Thị F, sinh năm 1968; trú tại bản Mé, phường K, thành phố D, tỉnh D; có mặt.

** Người làm chứng:*

- Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1984; trú tại bản Ban, phường K, thành phố D, tỉnh D; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Chị Quàng Thị K, sinh năm 1994; trú tại bản Mé, phường K, thành phố D, tỉnh D; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2017, bà Cà Thị F, sinh năm 1968, trú tại bản Mé, phường K, thành phố D được Hoàng Thị Hoa (*cháu họ bà F*) trú tại tiểu khu 1, phường Kê, thành phố D giới thiệu: Hoa quen một người tên là Vũ Thị A, sinh năm 1983, trú tại tổ 3, phường C, thành phố D có khả năng xin được việc làm. Do có nhu cầu xin việc cho Quàng Thị K (*con gái bà F*), sinh năm 1994, tốt nghiệp trường Đại học Tây Bắc khoa Tài nguyên Môi trường nên bà F xin Hoa số điện thoại của A. Sau đó, bà F về trao đổi nội dung trên với chồng là ông Quàng Văn B và thống nhất nhờ A xin việc cho K.

Khoảng tháng 9/2017 (*ông B không nhớ rõ ngày*), ông B đi cùng bà F đến nhà A ở tổ 3, phường C đặt vấn đề nhờ A xin việc cho K. A nói A quen biết với lãnh đạo phường C nên có thể xin cho K làm Văn thư ở phường, K phí là 150.000.000 đồng. Đến cuối tháng 9/2017 K sẽ có quyết định đi làm. Ngày 11/9/2017, ông B đến nhà A đưa cho A bộ hồ sơ mang tên Quàng Thị K. Ngày 12/9/2017, ông B đã đưa cho A 150.000.000 đồng tại khu vực Ngân hàng BIDV K nhánh D (*A viết giấy biên nhận tiền đưa cho ông B giữ*). Để tạo lòng tin, A còn dẫn K lên Ủy ban nhân dân phường C xem các phòng làm việc và đưa K lên phòng làm việc của ông Nguyễn Hồng Giang, Bí thư Đảng ủy phường Kêng Sinh (*tại phòng làm việc của ông Giang, A và Giang chỉ nói chuyện, không trao đổi nội dung gì liên quan xin việc làm cho K*). Sau đó, A tiếp tục hẹn đến ngày 19/10/2017, K sẽ có quyết định đi làm tại đội Quy tắc của Ủy ban nhân dân phường C. Một thời gian không thấy K được đi làm, gia đình ông B gặp A đòi lại tiền. A đã trả cho bà Cà Thị F 03 lần với tổng số tiền 32.000.000 đồng, còn Kếm đoạt 118.000.000 đồng. Ngày 05/8/2019, ông Quàng

Văn B làm đơn tố giác Vũ Thị A về hành vi lừa đảo Kém đoạt tài sản với Cơ quan điều tra.

Quá trình điều tra, Vũ Thị A khai nhận: Sau khi nhận tiền và hồ sơ từ ông B, A đã đưa cho ông Lò Văn Đĩnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường C bộ hồ sơ và 100.000.000 đồng. Ngoài lời khai của A không có tài liệu chứng minh việc A đưa tiền và hồ sơ cho ông Đĩnh. Do đó, buộc A phải chịu trách nhiệm đối với số tiền đã nhận của ông Quảng Văn B. Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét nơi ở của Vũ Thị A nhưng không thu giữ được tài liệu cũng như hồ sơ liên quan đến quá trình xin việc cho Quảng Thị K.

Như vậy, Vũ Thị A phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền 118.000.000 đồng đã nhận của ông Quảng Văn B. Sau khi khởi tố, Đĩnh Tiến Minh (chồng A) đã bồi thường cho gia đình ông B 20.000.000 đồng. A còn phải bồi hoàn cho bị hại 98.000.000 đồng.

Ngày 24/02/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh D Quyết định trưng cầu giám định số 25/QĐ-CSHS, giám định chữ viết và chữ ký mang tên Vũ Thị A trên “*giấy nhận tiền*”, “*giấy cam kết*”, “*giấy hẹn*” do ông Quảng Văn B giao nộp có ký hiệu A1, A2, A3 với mẫu cần so sánh có ký hiệu M1, M2, Tại Kết luận giám định số 470 ngày 13/3/2020 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: Chữ viết và chữ ký mang tên Vũ Thị A trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3 so với chữ viết, chữ ký của Vũ Thị A trên mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người viết và ký ra.

Ngoài hành vi Kém đoạt tài sản của ông Quảng Văn B, ngày 22/10/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh nhận được đơn tố giác của bà Trần Thị E, sinh năm 1966, trú tại tổ 3, phường Quyết Tâm, thành phố D tố giác Vũ Thị A lừa đảo Kém đoạt của bà 350.000.000d (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*). Quá trình điều tra xác định: Ngày 19/11/2018, Vũ Thị A đã vay của bà E 350.000.000 đồng đầu tư làm nhà xưởng sửa chữa máy xúc, máy ủi (có giấy vay tiền). Do làm ăn thua lỗ nên vợ chồng A chưa có tiền trả cho bà E. Ngày 18/11/2019, Đĩnh Tiến Minh (chồng A) đã trả cho bà E 100.000.000 đồng, còn nợ 250.000.000 đồng. Xét thấy nội dung đơn tố giác của bà E là vay mượn tài sản trong giao dịch dân sự nên không đề nghị xem xét xử A trong vụ án này. Ngày 31/12/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh D đã có thông báo kết quả giải quyết đơn và hướng dẫn bà E giải quyết bằng vụ án dân sự nếu bà E có yêu cầu.

Tại cáo trạng số: 45/CT-VKS ngày 01/4/2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh D truy tố Vũ Thị A về tội Lừa đảo Kém đoạt tài sản theo điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự 1999.

* Tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh D giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Vũ Thị A phạm tội Lừa đảo Kém đoạt tài sản. Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Thị A từ 03 đến 04 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Vũ Thị A phải hoàn trả cho gia đình ông Quàng Văn B số tiền 98.000.000 đồng.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Bị cáo Vũ Thị A khai nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng và luận tội mà Viện kiểm sát đã quy kết, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Vũ Thị A:

Tháng 9 năm 2017, lợi dụng việc gia đình ông Quàng Văn B đang có nhu cầu xin việc cho con gái là Quàng Thị K, Vũ Thị A đã đưa ra các thông tin gian dối, sai sự thật về việc sẽ xin cho K vào làm tại Ủy ban nhân dân phường C và nhận của gia đình ông Quàng Văn B số tiền 150.000.000 đồng. Sau một thời gian không thấy A xin được việc cho con gái, ông B đã yêu cầu A hoàn trả lại số tiền; A đã trả cho bà Cà Thị F (vợ ông B) 03 lần với tổng số tiền 32.000.000 đồng. Số tiền còn lại, A không hoàn trả mà Kém đoạt của gia đình ông B. Như vậy, Vũ Thị A đã có hành vi lừa đảo Kém đoạt tài sản của ông Quàng Văn B với số tiền 118.000.000 đồng (*Một trăm mười tám triệu đồng*).

Lời khai nhận tội của bị cáo Vũ Thị A phù hợp với lời khai của bị hại, người liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án cụ thể như sau:

- Đơn trình báo về hành vi lừa đảo Kém đoạt tài sản đề ngày 23/8/2019 của ông Quảng Văn B trình báo Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh D sự việc Vũ Thị A đã có hành vi Kém đoạt số tiền 118.000.000 đồng.

- Giấy nhận tiền của Vũ Thị A với nội dung: Vào ngày 13/10/2017, Vũ Thị A đã nhận của ông Quảng Văn B số tiền 150.000.000 đồng để xin việc cho Quảng Thị K.

- Chứng từ giao dịch tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - K nhánh tỉnh D chứng minh: vào ngày 12/9/2017 ông Quảng Văn B có rút số tiền 150.000.000 đồng từ Sổ tiết kiệm của ông Quảng Văn B.

- Biên bản về việc nghe nội dung ghi âm từ các cuộc gọi đi và đến giữa bị cáo A và bị hại Quảng Văn B, Quảng Thị K thể hiện A đã đưa ra các thông tin gian dối, hứa hẹn có thể xin việc cho K vào làm tại Ủy ban nhân dân phường C.

- Biên bản ghi lời khai của ông Lò Văn Đình - Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường C khẳng định, bị cáo Vũ Thị A không tham gia vào bất kỳ hoạt động tổ chức và tuyển dụng nào của Ủy ban nhân dân phường C, việc bị cáo A nói có thể xin việc làm tại Ủy ban nhân dân phường C là thông tin gian dối, không có thực.

- Bản tự khai, biên bản lấy lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Cà Thị F thừa nhận ông B đã đưa 150.000.000 đồng để nhờ A xin việc cho K, do không xin được việc, A đã hoàn trả cho gia đình bà 3 lần tiền, tổng số 32.000.000 đồng.

- Bản tự khai, biên bản ghi lời khai của những người làm chứng gồm Hoàng Thị Hoa, Quảng Thị K đều khẳng định, bị cáo A đã đưa ra những thông tin gian dối, tạo lòng tin để Kém đoạt số tiền 118.000.000 đồng của ông Quảng Văn B.

Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Vũ Thị A phạm tội Lừa đảo Kém đoạt tài sản theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[3] Khung hình phạt áp dụng: Bị cáo Vũ Thị A đã có hành vi lừa đảo, Kém đoạt của ông Quảng Văn B số tiền 118.000.000 đồng (*Một trăm mười tám triệu đồng*) được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 “*Người nào bằng thủ đoạn gian dối, Kém đoạt tài sản của người khác...từ Năm mươi triệu đồng đến dưới Hai trăm triệu đồng*” có mức hình phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

[4] Về nhân B và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Nhân B: Bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Vũ Thị A không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo A thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra, gia đình bị cáo đã tự nguyện sửa chữa, khắc phục một phần hậu quả cho bị hại là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bố bị cáo là ông Vũ Đình Trâm, mẹ là bà Đặng Thị Đào đều là người có công, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng Kén được coi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Vũ Thị A đã có hành vi Kém đoạt của ông Quảng Văn B số tiền 118.000.000 đồng; chồng bị cáo là Đình Tiến Minh đã bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 20.000.000 đồng. Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 584, 589 Bộ luật Dân sự; cần buộc bị cáo Vũ Thị A phải hoàn trả cho ông Quảng Văn B số tiền 98.000.000 đồng.

[5] Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo Vũ Thị A là người có đủ khả năng nhận thức được việc lừa đảo Kém đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng do hám lợi nên bị cáo đã cố tình đưa ra các thông tin gian dối, không có thực, tạo niềm tin để Kém đoạt của ông Quảng Văn B số tiền 118.000.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng, đã xâm phạm đến trật tự trị an, ổn định xã hội tại địa phương, cần có một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để đảm bảo được tính răn đe và phòng ngừa chung cũng như công tác đấu tranh phòng chống tội phạm trong giai đoạn hiện nay.

[6] Về hình phạt bổ sung:

Ngoài hình phạt chính, bị cáo Vũ Thị A có thể phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền, xét hoàn cảnh bị cáo khó khăn, không có điều kiện thi hành nên không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về các vấn đề khác liên quan đến vụ án:

Đối với Đơn của bà Trần Thị E tố giác Vũ Thị A lừa đảo Kém đoạt của bà số tiền 350.000.000đ (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*). Quá trình điều tra xác định, việc vay mượn tài sản giữa các bên là giao dịch dân sự, nên không có căn cứ để giải quyết hình sự. Ngày 31/12/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh D đã có thông báo kết quả giải quyết đơn và hướng dẫn bà Trần Thị E khởi kiện vụ án dân sự nếu có yêu cầu.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS 2015; khoản 1, 3 Điều 21, điểm a, d khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Vũ Thị A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự 1999; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015:

1.1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vũ Thị A phạm tội “Lừa đảo Kém đoạt tài sản”.

1.2. Xử phạt bị cáo Vũ Thị A 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 25/10/2019).

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung (*phạt tiền*) đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự 2015; Điều 584, Điều 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Vũ Thị A phải hoàn trả cho ông Quảng Văn B số tiền 98.000.000 đồng (*Chín mươi tám triệu đồng*).

“Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015”.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; khoản 1, 3 Điều 21; điểm a, d khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản A và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Vũ Thị A phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 4.900.000 đồng (*Bốn triệu chín trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Tổng hai khoản án phí bị cáo phải chịu là 5.100.000 đ (*Năm triệu một trăm nghìn đồng*).

5. Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Bị cáo Vũ Thị A được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 05/6/2020).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7,

7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh D;
- Công an tỉnh D;
- Trại tạm giam Công an tỉnh D;
- Sở Tư pháp tỉnh D;
- Cục THADS tỉnh D;
- Bị cáo; NLQ;
- Lưu HS-AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Phạm Tuấn Minh